

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 117 /2021/HS-ST

Ngày: 14-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và ông Hoàng Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST - HS, ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Minh T**; Tên gọi khác: B; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 10 năm 1989; Tại: Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Lê Văn S (đã chết); Con bà: Huỳnh Thị H, sinh năm: 1962, hiện trú tại: Thôn 1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1988 (không đăng ký kết hôn); có 01 con, sinh năm: 2009;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 15/6/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam, về các tội: Cố ý gây thương tích và Trốn khi đang bị dẫn giải (Bản án số: 133/2010/HSST), ngày 31/8/2011 chấp hành xong hình phạt tù. (Bị cáo đã được xóa án tích)

Ngày 07/7/2016 cùng đồng bọn có hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 29/11/2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố, bị cáo bỏ trốn, ngày 30/9/2020 bị bắt theo lệnh truy nã. Hiện đang bị áp dụng

biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 01/10/2020 cho đến nay - Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Lê Thị E – sinh năm: 1970; trú tại: Số nhà 83 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Thị H, sinh năm: 1962; trú tại 53/50 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn về chuyện tiền bạc với bà Lê Thị E, sinh năm: 1970; trú tại: Số nhà 83 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên Lê Minh T nảy sinh ý định thuê người khác gây thương tích cho bà E. Vào đầu tháng 7/2016, T gọi cho Trần Đức Chí A, Lê Đức V, Ksor Quang L và Trần Văn Th đến nhà của T, ở địa chỉ 53/50 đường G, phường T, thành phố B và đặt vấn đề thuê L, Th, V, Chí A đâm bà E gây thương tích với giá 40.000.000đồng, thì tất cả đồng ý. T thỏa thuận là sau khi gây thương tích cho bà E, thì T sẽ giao đủ số tiền trên cho L, Th, V, Chí A. T kể quy luật đi lại hằng ngày của bà E cho L, Th, V, Chí A biết để cả bốn bám theo bà E đến địa điểm vắng người, thì ra tay đâm gây thương tích cho bà E. T giao xe Mô tô biển số 47P6 – 7155, hiệu CLICK, màu đen và xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04, hiệu ULTIMO, màu xanh cùng 01 dao Thái Lan, 01 gậy ba trắc cho L, Th, V, Chí A để làm công cụ, phương tiện đi tìm đâm bà E. T tự thuê phòng trọ trên đường Đặng Nguyên C, phường T, thành phố B để L, Th, V, Chí A ở để đi đâm bà E. Sau khi nhận Hợp đồng đâm thuê trên. L, Th, V và Chí A đã tự thỏa thuận với nhau: “*Sau khi T trả tiền thuê đâm bà E thì cả bốn sẽ chia đều số tiền trên, tức là mỗi người được 10.000.000đồng*”. Sau đó, nhiều lần trong nhiều ngày tiếp theo, L, Th, V và Chí A chở nhau đi tìm bà E để đâm nhưng không thấy bà E, nên T đã nhiều lần xuống phòng trọ thúc giục đi tìm đâm bà E. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/7/2016, T, L, Th, V và Chí A nhậu tại nhà trọ của gia đình Th trên đường Đặng Nguyên C, phường T, thành phố B. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T chỉ đạo L, Th, V và Chí A đi tìm bà E để đâm, thì tất cả đồng ý. Lúc này, L lấy ra 01 dao Thái L trong cốp xe Mô tô biển số 47P6 – 7155, đưa cho Chí A cầm, còn L cầm theo gậy ba trắc. Sau đó, V điều khiển xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04 chở Chí A và Th điều khiển xe Mô tô biển số 47P6 – 7155 chở L đến quán cà phê Thứ 7 tìm đâm bà E. Khi đến nơi, cả bốn chở nhau chạy xung quanh khu vực quán cà phê để tìm bà E, nhưng không thấy, nên cùng nhau đứng trước quán cà phê Thứ 7 phục bà E đi ra để đâm. Cả bốn đứng phục một lúc nhưng không thấy bà E, nên Chí A đề nghị đổi xe Mô tô cho nhau đi, vì xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04 yếu,

khó đi. Cả bọn đồng ý. Th sang xe Mô tô biển số 47P6 – 7155 điều khiển chở L; V sang xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04 điều khiển chở Chí A. Cả bọn chở nhau đi trên một số con đường để tìm bà E nhưng không thấy, nên chở nhau về nhà trọ của gia đình Th, báo cáo kết quả cho T biết. Tất cả nhậu tiếp đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, thì T tiếp tục chỉ đạo V và Chí A đi tìm đâm bà E, vì sắp đến giờ bà E đi làm về. V và Chí A đồng ý, còn Th và L ngồi nhậu với T chờ kết quả. V điều khiển xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04 chở Chí A mang theo dao Thái Lan đến đứng trên vỉa hè gần thùng rác, đối diện với hẻm 59 đường H, phường T, thành phố B (lối vào căn nhà thứ 2 của bà L) để phục bà L đi ra để đâm. Khi thấy bà L điều khiển xe Mô tô biển số 47B1 – 789.14, nhãn hiệu Honda, loại: AIRBLADE, màu đen – trắng đi một mình từ trong hẻm 59 Hùng Vương ra thì V dùng điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen (không nhớ số thuê bao) gọi T hỏi đặc điểm xe mô tô mà bà L sử dụng. Sau khi được T thông báo đặc điểm, biển số xe của bà L như trên, thì V xác định chính xác là bà E, nên nói cho Chí A biết và điều khiển xe mô tô chở Chí A mang theo dao Thái L đuổi theo bà E. Trên đường đi, V nói với Chí A là khi nào V điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của bà E, thì Chí A ra tay đâm bà L, Chí A đồng ý. Khi đến cầu đường N, phường T, thành phố B, V tăng tốc ép sát bên trái xe mô tô của bà E. Khi 02 xe mô tô song song với nhau và cách nhau khoảng 50cm, thì Chí A dùng tay phải cầm dao Thái Lan theo chiều nghịch, đâm 01 nhát hướng từ trên xuống trúng cẳng tay trái của bà E. Bà E dừng xe lại, hô: “Cướp! Cướp!”. V hỏi: Chí A đâm trúng bà E chưa? thì Chí A trả lời là: “đâm trúng rồi” nên V chở Chí A về lại nhà trọ của gia đình Th. Tại đây, Chí A nói cho T, Th và L biết là đã đâm trúng tay của bà E rồi giờ dao Thái Lan dính đầy máu và mỡ người trên lưỡi dao cho cả bọn xem rồi nói: “*Đâm trúng tay lút cán luôn*”. T nói: “*Xong việc rồi thì đem vứt dao rồi quay lại nhậu tiếp*”. Chí A đem dao gây án ra ném sau nhà Th rồi nhậu tiếp một lúc thì đi về phòng trọ ngủ. Sau khi bà E bị đâm thì được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Sau khi gây án, T bỏ trốn và chưa trả tiền thuê đâm bà E cho Th, L, V và Chí A như đã thỏa thuận. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, Lê Minh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt theo Lệnh truy nã tại P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Tại bản Kết luận Pháp y thương tích số 997/PY – TgT, ngày 07/9/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Bà Lê Thị E bị vết thương cánh tay trái, tổn thương hoàn toàn thần kinh quay, có tỷ lệ thương tích là 45% (Bốn mươi lăm phần trăm). Vật gây thương tích sắc, nhọn.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa ngày 12/10/2018 bà Lê Thị E kê khai và yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc và các chi phí khác liên quan đến việc chữa trị thương tích của bà E số tiền là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số: 111/CT-VKSTP.BMT ngày 17/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Lê Minh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản cáo trạng số 111/CT-VKSTP.BMT ngày 17/3/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm, xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thêm cho bà Lê Thị E số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Đối với xe Mô tô biển số 47P6 – 7155 và xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04. Kết quả tra cứu ngày 13/9/2017 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Ông Lương Văn S, sinh năm: 1977; trú tại Thôn 10B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đăng ký đứng tên chủ sở hữu xe Mô tô biển số 47P6 – 7155 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1962; trú tại 53/50 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (mẹ ruột của bị cáo T) đăng ký đứng tên chủ sở hữu xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04. Qua làm việc, ông S và bà H đều khai đã bán xe này cho 01 nam Thanh niên không rõ lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được 02 xe mô tô này.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen (Không rõ model và sim số thuê bao) của bị cáo Lê Minh T dùng liên lạc với V. Quá trình điều, bị cáo T khai đây là tài sản của T và đã vứt bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được.

Đối với 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Lê Minh T, số 9704180044899474 và 01 chiếc ví da, màu nâu, kích thước 20x15cm là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Minh T không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 26/02/2021, T ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H (mẹ ruột bị cáo) nhận lại tài sản trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho bà H quản lý, là phù hợp.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành V, số CMND: 230816382 thu giữ của bị cáo Lê Minh T là của nam thanh niên tên V nhờ T cất giữ giúp. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa

làm việc với V, nên tách giấy chứng minh nhân dân trên ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội của Lê Đức V, Trần Đức Chí A, Ksor Quang L, Trần Văn Th và phần dân sự đã được xử lý tại Bản án số 260/2018/HSST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án số 391/2018/HSPT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên Tòa bị cáo không bào chữa và tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, cũng như lấy lời khai của bị cáo, bị hại và những người khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định: Do ý thức coi thường sức khỏe của người khác và mâu thuẫn cá nhân, nên Lê Minh T đã thuê Trần Đức Chí A, Lê Đức V, Ksor Quang L và Trần Văn Th đâm gây thương tích cho bà Lê Thị E với giá 40.000.000 đồng. Sau đó, tất cả chờ nhau đi tìm bà E để đâm trong nhiều ngày nhưng không tìm thấy. Khoảng 21 giờ ngày 07/7/2016, tại khu vực cầu N thuộc phường T, thành phố B, Lê Đức V và Trần Đức Chí A đã tìm thấy và dùng dao Thái Lan đâm trúng tay bà E gây thương tích tỷ lệ 45%. Do đó, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về tội: “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 (điểm a,h,i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự.

Điều 134 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

- a) Dùng V khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm;*
- h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;*
- i) Có tính chất côn đồ...;*

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 đến 10 năm:

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nguy hiểm và gây tác hại xấu nhiều mặt cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã cố ý thuê Trần Đức Chí A, Lê Đức V, Ksor Quang L và Trần Văn Th gây thương tích cho bà Lê Thị E thể hiện bị cáo coi thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu (Ngày 15/6/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam, về các tội: Cố ý gây thương tích và Trốn khi đang bị dẫn giải), sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, khi thực hiện hành vi phạm tội Trần Đức Chí A, Trần Văn Th chưa đủ 18 tuổi do đó bị cáo T còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân lương Th.

Tuy nhiên, Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nước ta.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án số 260/2018/HSST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử đối với Lê Đức V, Trần Đức Chí A, Ksor Quang L, Trần Văn Th, bị hại bà Lê Thị E kê khai và yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc và các chi phí khác liên quan đến việc chữa trị thương tích của bà L số tiền là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng). Nên phần trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

Tuy nhiên, Quá trình điều tra, ngày 25/12/2020 bà Huỳnh Thị H (mẹ ruột bị cáo T) tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để bồi thường thêm, khắc phục một phần hậu quả cho bà Lê Thị E, là tự nguyện cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Đối với xe Mô tô biển số 47P6 – 7155 và xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04. Kết quả tra cứu ngày 13/9/2017 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Ông Lương Văn S, sinh năm: 1977; trú tại Thôn 10B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đăng ký đứng tên chủ sở hữu xe Mô tô biển số 47P6 – 7155 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1962; trú tại 53/50 đường G, phường

T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (mẹ ruột của bị cáo T) đăng ký đứng tên chủ sở hữu xe Mô tô biển số 47B2 – 004.04. Qua làm việc, ông S và bà H đều khai đã bán xe này cho 01 nam thanh niên không rõ lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được 02 xe mô tô này nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen (Không rõ model và sim số thuê bao) của bị can Lê Minh T dùng liên lạc với V. Quá trình điều, bị cáo T khai đây là tài sản của T và đã vứt bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được.

Đối với 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Lê Minh T, số 9704180044899474 và 01 chiếc ví da, màu nâu, kích thước 20x15cm là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Minh T không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 26/02/2021, T ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Hưng (mẹ ruột bị cáo) nhận lại tài sản trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho bà Hưng quản lý, là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành V, số CMND: 230816382 thu giữ của bị cáo Lê Minh T là của nam thanh niên tên V nhờ T cất giữ giúp. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa làm việc với V, nên tách giấy chứng minh nhân dân trên ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T: 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 01/10/2020

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 590, Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Minh T đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để bồi thường thêm cho bị hại bà Lê Thị L.

(Vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên giao nhận vật chứng ngày 18/3/2021 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản gồm 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Lê Minh T, số 9704180044899474 và 01 chiếc ví da, màu nâu, kích thước 20x15cm là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Minh T không liên quan đến việc phạm tội. Bị cáo T đã ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H (mẹ ruột bị cáo) nhận lại tài sản trên.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt